| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ T**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 50/2023/DS-ST
Ngày 26-6-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Anh Tuấn.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Đinh Công Định.
2. Bà Lý Thị Nhân.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Triệu Thị Thuý Tình - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang*** tham gia phiên tòa: Bà Bế Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2022/TLST-DS, ngày 15 tháng 11 năm 2022, về việc *Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-DS, ngày 29/5/2023, giữa các đương sự:

*1/ Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị Thúy H**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Tổ dân phố 14, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*2/ Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thúy N**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ dân phố 08, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (chị N đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

Tại Biên bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, đại diện nguyên đơn bà Trần Thị Thuý H trình bày: Chị Nguyễn Thuý N là bạn quen biết của tôi từ trước, nên từ ngày 23/12/2014 đến ngày 07/02/2015 chị N có nhiều lần lấy hàng bánh, kẹo, rượu để bán hàng Tết năm 2015 cho khách hàng sau đó trả tiền cho tôi, mỗi lần lấy hàng tôi có ghi sổ cụ thể và chị N ký nhận vào sổ của tôi giữ. Thời gian đầu chị N trả tiền đầy đủ cho tôi, nhưng sau đó chị N thường xuyên nợ tiền của tôi không trả, nên ngày 01/02/2019 tôi và chị N thống nhất chốt nợ thì chị N nợ tôi tiền hàng tổng cộng là 113.909.000 đồng

(Một trăm mười ba triệu chín trăm linh chín nghìn đồng) và từ ngày nhận nợ đến nay chị N không trả cho tôi đồng nào.

Tôi (Hoa) yêu cầu Toà án giải quyết buộc chị N có trách nhiệm trả tiền mua hàng bánh, rượu còn nợ của tôi là 113.909.000 đồng (Một trăm mười ba triệu chín trăm linh chín nghìn đồng) gốc theo Biên bản thoả thuận công nợ tiền hàng hai bên đã ký kết ngày 01/02/2019, tôi không yêu cầu tính lãi và chị N phải hoàn trả lại tôi số tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết của chị N là 3.870.000 đồng (Ba triệu tám trăm bẩy mươi nghìn đồng). Ngoài ra tôi không yêu cầu giải quyết nội dung gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, về tài liệu, chứng cứ đương sự cung cấp cho Tòa án.

Bà H cung cấp:

- 01 bản gốc Giấy nợ đề ngày 01/02/2019 với nội dung cô Nhàn nợ tiền rượu, bánh.

- Các bản gốc giấy giao, nhận hàng.

- 01 Bản phô tô Căn cước công dân đứng tên Trần Thị Thuý H.

- 01 Bản chính xác nhận thông tin về nơi cư trú đứng tên Trần Thị Thuý H, do Công an phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang cấp.

Chị N không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Toà án đã tiến hành thu thập chứng cứ gồm:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng chị N đều vắng mặt không có lý do. Xác minh tại nơi cư trú được biết cách đây khoảng 02 năm chị N không có mặt tại gia đình và địa phương, nên không lấy được ý kiến của chị N. Do vậy, Toà án Quyết định trưng cầu giám định số 01/QĐ-TCGĐ, ngày 17/4/2023 về chữ ký, chữ viết của chị Nguyễn Thuý N để làm căn cứ giải quyết vụ án theo pháp luật.

- Kết luận giám định số 604/GĐ-KTHS ngày 03/5/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: 1/ Chữ ký đứng tên Nguyễn Thuý N trên mẫu so sánh ký hiệu B3, B4 với 06 (sáu) chữ ký cùng dạng trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, 07 (bẩy) chữ ký cùng dạng trên mẫu cần giám định ký hiệu A2, 06 (sáu) chữ ký cùng dạng trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 là do cùng một người ký.

2/ Chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Thuý N (Ng Thuý Nhàn) trên mẫu cần giám định ký hiệu A4, A6, A7, A8, A9, A10, A11 và các chữ ký cùng dạng với c hữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thuý N trên các mẫu so sánh ký hiệu B1 *(trừ chữ viết "22/3/2019 sửa ngày sinh theo ksinh" chữ số ở mục "3. Số", chữ viết ở mục "20. Dấu vết riêng hoặc dị hình"; B2, B3 (trừ chữ số, chữ viết ở mục "3. Số", "18. Dấu vết riêng và dị hình"); B4 (trừ chữ viết ở mục "16. Họ tên vợ/chồng", "17.CMND cũ số", "18. Dấu vết riêng và dị hình")* là do cùng một người ký và viết.

- 01 Giấy biên nhận thu tiền bồi dưỡng giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, đề ngày 04/5/2023, với số tiền là 3.870.000 đồng (Ba triệu tám trăm bẩy mươi nghìn đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đã triệu tập hợp lệ nhiều lần chị Nguyễn Thuý N đến Toà án để tham gia tố tụng, nhưng chị N đều vắng mặt không có lý do, nên không lấy được ý kiến của chị N và không tiến hành hoà giải cho các bên đương sự được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân thành phố T, thụ lý và giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về *Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự, và tiến hành

các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định; ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là chị N chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào các Điều 430; 440 của Bộ luật dân sự. Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; 161; 207; 227; 228; 235; 238; 264; 266; 267; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

- Buộc chị Nguyễn Thúy N có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Thúy H tiền mua bánh, rượu tổng cộng là 113.909.000 đồng (Một trăm mười ba triệu chín trăm linh chín nghìn đồng) tiền gốc.

- Buộc chị Nguyễn Thuý N có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Trần Thị Thuý H toàn bộ số tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết của chị Nguyễn Thuý N 3.870.000 đồng (Ba triệu tám trăm bẩy mươi nghìn đồng).

Khoản tiền phải trả trên, nếu chị N chậm thi hành án dân sự thì phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Chị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền gốc và lãi còn nợ tiền mua bánh, kẹo, rượu theo quy định của pháp luật. Bà H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà H toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

[1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, thấy rằng bà Trần Thị Thuý H và chị Nguyễn Thuý N do quen biết nhau, nên chị N có nhiều lần mua bánh, kẹo, rượu để đi bán cho khách hàng sau đó trả tiền cho bà H. Sau nhiều lần chị N nhận hàng của bà H còn nợ lại tiền chưa trả, nên ngày 01/02/2019 bà H và chị N cùng cộng sổ chốt nợ thì chị N nợ bà H tổng cộng tiền mua bánh, rượu là 113.909.000 đồng (Một trăm mười ba triệu chín trăm linh chín nghìn đồng). Sau khi ký nhận nợ chị N không trả tiền cho bà H, do vậy bà H có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết, buộc chị N trả đủ tiền gốc còn nợ theo quy định. Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xét thấy đây là vụ án dân sự về *Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản,* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

[2] Căn cứ vào bản gốc Giấy xác nhận nợ đề ngày 01/02/2019 với nội dung chị Nguyễn Thuý N nợ tiền mua bánh, rượu của bà Trần Thị Thuý H; căn cứ Kết luận giám định chữ ký, chữ viết; căn cứ Biên bản lấy lời khai của bà H có lưu trong hồ sơ vụ án thì bà H yêu cầu chị N có trách nhiệm trả cho bà H tiền mua bánh, rượu còn nợ là 113.909.000 đồng gốc là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đơn và nội dung khởi kiện của bà Trần Thị Thuý Nhàn theo các Điều 430; 440 của Bộ luật dân sự quy định.

Khoản tiền phải trả trên, nếu chị N chậm thi hành án dân sự thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 Bộ luật dân sự.

[3] Do bà H yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của chị N làm căn cứ giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật, nên buộc chị N có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà H toàn bộ số tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết của chị N là 3.870.000 đồng (Ba triệu tám trăm bẩy mươi nghìn đồng) theo Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Khoản tiền phải trả trên, nếu chị N chậm thi hành án dân sự thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 Bộ luật dân.

[4] Đối với bị đơn chị Nguyễn Thuý N quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng chị N đều vắng mặt không có lý do. Do vậy, không lấy được ý kiến của chị N; không tiến hành hoà giải được cho hai bên đương sự và chị N thuộc trường hợp cố tình che giấu địa chỉ, nên giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Bà H được chấp nhận toàn bộ đơn và nội dung khởi kiện, nên chị N phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tổng số tiền gốc phải trả cho bà H là 113.909.000 đồng (Một trăm mười ba triệu chín trăm linh chín nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[6] Nguyên đơn bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt bà H, chị N theo Điều 227; 228; 238 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH**:

Căn cứ vào các Điều 430; 440 của Bộ luật dân sự. Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; 161; 207; 227; 228; 235; 238; 264; 266; 267; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Tuyên xử**:

- Buộc chị Nguyễn Thúy N có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Thúy H tiền mua bánh, rượu tổng cộng là 113.909.000 đồng (Một trăm mười ba triệu chín trăm linh chín nghìn đồng) gốc.

- Buộc chị Nguyễn Thúy N có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Trần Thị Thúy H toàn bộ số tiền 3.870.000 đồng (Ba triệu tám trăm bẩy mươi nghìn đồng) chi phí giám định chữ ký, chữ viết của chị Nguyễn Thúy N.

Tổng cộng hai khoản tiền trên chị Nguyễn Thúy N có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Thúy H là 117.779.000 đồng (Một trăm mười bẩy triệu bẩy trăm bẩy mươi chín nghìn đồng).

*Khoản tiền phải trả trên, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

**2.** Án phí: - Chị Nguyễn Thúy N phải chịu 5.695.450 đồng (Năm triệu sáu trăm chín mươi năm nghìn bốn trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền mua bánh, rượu phải trả.

- Bà Trần Thị Thúy H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Thúy H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.847.837 đồng (Hai triệu tám trăm bốn mươi bẩy nghìn tám trăm ba bẩy đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000559 ngày 15/11/2022, của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

**3.** Quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Thuý H và chị Nguyễn Thúy N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**4.** Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh Tuyên Quang;*
- *VKSND TP. Tuyên Quang;*
- *Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu TAND TP. Tuyên Quang.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Anh Tuấn**